

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Xuân Luyện;

2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST ngày 17/05/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT: Thôn TH, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Nơi ở: Tổ 1, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1988;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn TH, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Nay là: Thôn VTN, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Tại phiên tòa có mặt chị H, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018 và bản tự khai ngày 02/01/2019, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2010, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LC, huyện TL. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, do sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với gia đình chồng, nên khi giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì áp lực từ phía gia đình chồng, khiến cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, không còn tình cảm. Nên đến tháng 8/2016, chị đã đi làm ăn xa, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện TL giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U - sinh ngày 28/8/2011, cháu Nguyễn Thị Ngọc Th - sinh ngày 30/4/2014. Hiện nay, cháu Phương U đang ở cùng với anh T, cháu Ngọc Th đang ở cùng với chị. Nếu ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc Th, giao cháu Phương U cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, hiện nay chị cũng không có thai nghén. Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau năm 2010, trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LC, huyện TL. Do mâu thuẫn vợ chồng, nên từ tháng 8/2016 vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa. Bản thân anh T mong muốn chị H quay về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H không đồng ý, nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U - sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Th - sinh ngày 30/4/2014. Hiện nay, cháu Phương U đang ở cùng với anh, cháu Ngọc Th đang ở cùng chị H, nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên ý kiến trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương U cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Th cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn T hiện đang có HKTT và cư trú tại xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Anh Nguyễn Văn T đã được tòa án triệu tập ra phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/5/2010 tại UBND xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh T cũng thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa chị H, anh T là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U - sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Th - sinh ngày 30/4/2014. Hiện nay, cháu Nguyễn Ngọc Phương U đang ở cùng với anh

Nguyễn Văn T, cháu Nguyễn Thị Ngọc Th đang ở cùng với chị Nguyễn Thị Thu H. Trong thời gian nuôi dưỡng các cháu chị H, anh T đều đảm bảo tốt các điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Bản thân cháu Phương U có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với bố và ông bà nội. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho các cháu nên tiếp tục giao cháu Phương U cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Ngọc Th cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp pháp luật và thực tế. Con nuôi, con riêng không có.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Văn T đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U - sinh ngày 28/8/2011 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Th - sinh ngày 30/4/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.
3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 04430 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.
4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh